

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1- Ông Phan Văn Th, sinh năm: 1958.

2- Bà Đỗ Thị L, sinh năm: 1958 (vợ ông Th).

Cùng địa chỉ: Thôn TV, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Th ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng.

- *Bị đơn*: 1- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970.

2- Bà Đỗ Thị M, sinh năm: 1973 (vợ ông H).

Cùng địa chỉ: Thôn TV, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Ông H ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Vợ chồng bà Đỗ Thị M, ông Nguyễn Văn H còn nợ vợ chồng bà Đỗ Thị L, ông Phan Văn Th số tiền nợ gốc đã vay là 90.000.000đ. Vợ chồng bà L yêu

cầu vợ chồng bà M phải trả nợ gốc là 90.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi. Vợ chồng bà M chấp nhận trả số tiền 90.000.000đ cho vợ chồng bà L.

2.2. Về phương án trả nợ:

Vợ chồng bà Đỗ Thị M, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Đỗ Thị L, ông Phan Văn Th số tiền nợ là 90.000.000đ (*Chín mươi triệu đồng*) sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí:

Vợ chồng bà Đỗ Thị M, ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0005474 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung